TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC** Bản án số: 11/HNGĐ-ST Ngày 07/8/2018 "V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"giữa anh Nguyễn Thanh L và chị Ngân Thị P"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Tất Thắng
2. Ông Trần Đức Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa*:** Ông Dương Xuân Chính – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 03 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/07/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1987 (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Ngân Thị P, sinh năm 1991(vắng mặt)

Nguyên đơn, bị đơn cùng trú tại: Khu phố B, phường G, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thanh L trình bày:

Anh L và chị P sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 12 tháng 4 năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với gia đình ông Nguyễn Xuân Q là cha ruột anh L, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2012 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt chi tiêu và cách nuôi dạy con nên thường xuyên cãi vã. Đến tháng 12 năm 2013, thì chị P chuyển ra ngoài ở trọ với bạn. Anh L nhiều lần đến tìm chị P khuyên nhủ chị về sống cùng nhưng chị P không đồng ý, thường xuyên thay đổi nơi ở, không cho anh L gặp. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ngân Thị P.

Quá trình chung sống anh L và chị P có hai con chung là cháu Nguyễn Ngân Phương O sinh ngày 24/04/2011 và cháu Nguyễn Quốc A sinh ngày 27/8/2013. Từ tháng 12 năm 2013 đến nay cháu O và cháu A sống cùng anh L và ông bà nội tại khu phố B, phường G, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Nguyện vọng anh L khi ly hôn được quyền trực tiếp nuôi con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Ngân Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên không có ý kiến của chị P.

Tại phiên tòa: Anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Anh Nguyễn Thanh L khởi kiện yêu cầu "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với chị Ngân Thị P cư trú tại khu phố B, phường G, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Ngân Thị P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[2] Anh L và chị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 12/04/2010, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử xét thấy, tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân nơi anh L chị P cư trú thì quá trình chung sống anh L và chị P có cãi vã lẫn nhau nhưng không yêu cầu ban điều hành khu phố hòa giải, anh L trình bày mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt chi tiêu và cách nuôi dạy con. Vợ chồng đã tự sống ly thân từ tháng 12 năm 2013 đến nay, chị P không về nhà thăm con, thường xuyên thay đổi nơi ở. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị P đã trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh L được ly hôn với chị P.

[4] Xét yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con chung của nguyên đơn: xét thấy, tại đơn xin xác nhận lương ngày 15/05/2018, thì anh L làm quản lý thu mua tại Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu sản xuất thương mại H, thu nhập bình quân khoảng 12.000.000đ đến 15.000.000/tháng (mười hai triệu đến mười lăm triệu đồng), đồng thời trong thời gian qua anh L vẫn đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Mặt khác, hiện nay chị P không rõ nơi ở mới, công việc và thu nhập, nên cần chấp nhận yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con chung của anh L, giao các con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Bị đơn không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L không yêu cầu chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quan điểm của kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[7] Về án phí: Anh L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, anh Nguyễn Thanh L được ly hôn với chị Ngân Thị P.

2. Về con chung:

Giao hai cháu Nguyễn Ngân Phương O sinh ngày 24/04/2011 và cháu Nguyễn Quốc A sinh ngày 27/8/2013 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Anh L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005xxx ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án 07/8/2018; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- UBND xã H;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt